

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 198/2024/DS-PT

Ngày 08/8/2024

“Tranh chấp hợp đồng ủy quyền”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Nhuận.

Các Thẩm phán: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

Ông Trần Nam Trung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trung An, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Trương Minh Diên, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 150/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Ngọc N, sinh năm 1989, địa chỉ: Ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Phan Thanh H, sinh năm 1956, địa chỉ: Ấp A, T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Dương Phúc N1, sinh năm 1991, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, theo hợp đồng ủy quyền ngày 22/8/2023 (có mặt).

- **Người kháng cáo:** Bà Phạm Ngọc N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Ngọc N, trình bày:

Nguyên vào ngày 15/6/2023, ông H có đến gặp bà N để thuê bà N thay mặt ông tham gia tố tụng giải quyết việc tranh chấp giữa ông với ông Nguyễn

Chí H1, sinh năm 1990, địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Ngày 30/6/2023 giữa bà N với ông H có ký hợp đồng trả thù lao, có nội dung thỏa thuận giữa các bên: Nhiệm vụ của bà N phải thực hiện các nội dung như sau: Bà Phạm Ngọc N, giải thích các quy định của pháp luật liên quan đến việc yêu cầu ông Nguyễn Chí H1 phải giao trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ CS040777, tại thửa đất số 2206, tọa lạc ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Mức thù lao ông H đồng ý trả cho bà N số tiền là 180.000.000 đồng. Các bên thống nhất ký tên và điểm chỉ vào hợp đồng ủy quyền, sau khi ký hợp đồng thì bà N với ông H lên Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng để ký công chứng hợp đồng ủy quyền và được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực Hợp đồng, số 497, quyền số 01/2023-SCT/HĐ,GD, ngày 30/6/2023. Sau khi ủy quyền được chứng thực thì bà N đã soạn thảo các loại văn bản để nộp cho Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng (toàn bộ hồ sơ khởi kiện) vụ án đã được thụ lý ngày 21/7/2023 và mời hòa giải vào ngày 21/8/2023. Việc bà N ký Hợp đồng với ông H đã tiến hành đầy đủ các bước mà các bên đã thỏa thuận, còn về phần ông H vào ngày 15/07/2023, ông liên hệ yêu cầu bà N phải hủy bỏ Hợp đồng với ông. Vì ông yêu cầu bà N phải cam kết thời hạn làm việc là 01 tháng thì ông mới đồng ý tiếp tục thuê không cam kết thời hạn thì ông sẽ hủy bỏ và không đồng ý thuê, ông H đồng ý bồi thường hợp đồng cho bà N 10.000.000 đồng, bà N không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Bà N yêu cầu ông H phải bồi thường hợp đồng trả thù lao số tiền 180.000.000 đồng như đã thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết giữa ông H và bà N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Thanh H và người đại diện của bị đơn trình bày:

Ông Phan Thanh H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N. Vì sau khi ký hợp đồng vài ngày ông có yêu cầu bà N bổ sung vào thời gian hoàn thành công việc cụ thể là thời gian nào nhưng bà N không đồng ý, đồng thời hiện nay bà N nộp đơn cho ông H tại tòa Á do không đúng thẩm quyền nên vụ án đã được đình chỉ và ông H đã nộp lại đơn khởi kiện tại Tòa án huyện Long Phú. Việc ông hủy hợp đồng với bà N là có lý do vì bà N nộp sai thẩm quyền làm ông H mất lòng tin và sau ký hợp đồng thì ông H và bà N có phát sinh tranh chấp một vụ án khác tại tòa án huyện T giải quyết nên ông sợ quyền lợi của ông bị ảnh hưởng. Bà N chỉ mới nộp đơn khởi kiện cho ông H chứ chưa làm gì nên ông H không có nghĩa vụ phải trả toàn bộ tiền thù lao cho bà N số tiền 180.000.000 đồng. Ngày 08/7/2023 ông H đề nghị chấm dứt ủy quyền với bà N, ông H có ý bồi thường hợp đồng cho bà N 10.000.000 đồng nhưng do bà N không đồng ý và khởi kiện ra tòa nên phía ông H chỉ đồng ý hỗ trợ cho bà N 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) và đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc N,

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 12/4/2024, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

“Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Ngọc N đối với bị đơn ông Phan Thanh H về tranh chấp hợp đồng ủy quyền.

Buộc bị đơn ông Phan Thanh H bồi thường thiệt hại cho bà Phạm Ngọc N số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Ngọc N yêu cầu bị đơn ông Phan Thanh H bồi thường thiệt hại số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng)."

Ngoài ra, trong bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/5/2024, bà Phạm Ngọc N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của bị đơn xác nhận sau khi ký hợp đồng ủy quyền phía bà N đã soạn thảo và thu thập toàn bộ tài liệu hồ sơ khởi kiện thay ông H và đã thực hiện thủ tục nộp đơn tại TAND huyện Mỹ Xuyên thụ lý, xác định khối lượng công việc bà N đã thực hiện khoảng 20% nội dung công việc các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng ủy quyền, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà N sửa bản án sơ thẩm buộc ông H phải thanh toán cho bà N số tiền là 180.000.000 đồng x 20% = 36.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Phạm Ngọc N và ông Phan Thanh H thống nhất xác nhận các bên có ký kết "Hợp đồng trả thù lao ủy quyền" ngày 30/6/2023, nội dung hợp đồng các bên thỏa thuận: Bà N đại diện ông H tham gia giải quyết tranh chấp với ông Nguyễn Chí H1 về việc yêu cầu ông H1 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS040777, thửa đất số 2206 cho ông H; phí thù lao ủy quyền, ông H phải trả cho bà N số tiền 180.000.000 đồng với điều kiện Tòa án buộc ông H1 giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H.

[2] Sau khi ký kết hợp đồng ủy quyền, bà N đã soạn thảo văn bản, thu thập tài liệu, làm thủ tục nộp hồ sơ khởi kiện tại Tòa án huyện M. Sau đó, ông H gặp bà N yêu cầu bổ sung hợp đồng ủy quyền về thời hạn thực hiện xong công việc ủy quyền nhưng bà N không đồng ý. Đến ngày 05/7/2023, ông H chấm dứt hợp đồng ủy quyền với bà N và gửi thông báo cho TAND huyện Mỹ Xuyên được biết. Hồ sơ khởi kiện bà N đại diện ông H thực hiện đã được TAND huyện Mỹ Xuyên thụ lý giải quyết ngày 21/7/2023. Đến ngày 21/8/2023, thì ông H làm thủ tục rút đơn khởi kiện, lý do vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Mỹ Xuyên và Tòa án đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 65/2023/QĐST-DS ngày 21/8/2023.

[3] Ông H đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền đã ký kết, nên bà N khởi kiện yêu cầu ông H phải thanh toán toàn bộ số tiền thù lao đã thỏa thuận là 180.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của bị đơn xác nhận: Sau khi ký hợp đồng ủy quyền, bà N thay ông H soạn thảo các văn bản, thu thập tài liệu, làm thủ tục khởi kiện và TAND huyện Mỹ Xuyên đã thụ lý vụ án, khối lượng công việc bà N đã thực hiện khoảng 20% nội dung công việc các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng ủy quyền. Căn cứ khoản 1 Điều 569 Bộ luật Dân sự năm 2015 về đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng ủy quyền quy định: *“Trường hợp ủy quyền có thù lao thì bên ủy quyền có quyền chấm dứt thực hiện hợp đồng bất cứ lúc nào, nhưng phải trả thù lao cho bên được ủy quyền tương ứng với công việc mà bên được ủy quyền đã thực hiện và bồi thường thiệt hại...”*. Do vậy Hội đồng xét xử xác định số tiền thù lao ông H phải thanh toán cho bà N tương ứng với khối lượng công việc đã thực hiện là 180.000.000 đồng x 20% = 36.000.000 đồng. Về số tiền bồi thường thiệt hại, cấp sơ thẩm đã ban hành các thông báo số 59/TB-TA ngày 04/3/2024 và Thông báo số 101/TB-TA ngày 20/3/2024 yêu cầu bà N cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh nhưng bà N không cung cấp được, nên không có căn cứ buộc ông H phải bồi thường cho bà N.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà N. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là sửa bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà N không phải chịu án phí được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 562 và Điều 569 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Phạm Ngọc N sửa bản án sơ thẩm 21/2024/DS-ST ngày 12/4/2024, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng:

1. Buộc ông Phan Thanh H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Ngọc N tiền thù lao ủy quyền là 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc N yêu cầu ông Phan Thanh H thanh toán số tiền thù lao còn lại 144.000.000 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Thanh H phải chịu 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm ngàn đồng), ông H có nghĩa vụ nộp số tiền này.

Bà Phạm Ngọc N phải chịu 7.200.000 đồng (bảy triệu hai trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008264 ngày 09/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì. Bà N còn phải nộp thêm số tiền 2.700.000 đồng (hai triệu, bảy trăm ngàn đồng đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Ngọc N không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003894 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV & THA tỉnh;
- TAND huyện Thanh Trì;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quang Nhuận